

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ

Ngày: 30-5-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/TLST-HNGĐ ngày 10-4-2024; về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17-5-2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp ĐPB, xã LT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp ĐPA, xã LT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2000, anh kết hôn với chị Phan Thị Th, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tiểu Cần. Trong quá trình sống chung anh với chị Th có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10 năm 2023 đến nay, thời gian ly thân không đoàn tụ được.

Nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Th.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Phan Thị Th trình bày: Vào năm 2000, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Tn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tiểu Cần. Trong quá trình sống chung chị với anh T có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung bất đồng quan điểm, thường xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10 năm 2023 đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được, chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên, nên chị Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh con, CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thuận tình ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên, nên anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th kết hôn vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tiểu Cần theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh T

với chị Th là hợp pháp. Thời gian sống chung sống anh T và chị Th đều xác định tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cho nên anh, chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được, trong quá trình giải quyết anh T và chị Th thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T với chị Th.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thống nhất khai anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên và cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Kim U, sinh ngày 03/02/2000 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/7/2003 đã thành niên, nên anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Phan Thị Th thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002857, ngày 09-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Chị Phan Thị Th không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm